

CHỮ KINH TẬP YẾU

QUYỂN 3

PHẦN THỨ 2: KÍNH THÁP

- Duyên thuật ý
- Duyên dẫn chứng
- Duyên hưng phước
- Duyên cảm báo
- Duyên nhiều tháp
- Duyên nhập tự
- Duyên tu cố

Thứ 1: Trình bày duyên ý

Kính xin Như Lai ứng hiện, diệu sắc thân nơi ba ngàn cõi, Đức Phật ẩn kín hào quang, thị hiện tám vạn hình. Tháp an trí ở núi Đồng linh, hình tượng lưu giữ trong hang đá, khắc họa bức nghi theo từng lớp trên gỗ chiên đàn, khắc những bài trạng trên ngọc, vàng. Thân còn nguyên hay tan rã đều được lưu giữ, gom nhặt đưa vào tháp, hào quang chiếu sáng làm mất bóng tối, phước trí nuôi dưỡng hàm thức, làm những tiếng hay vang xa, xóa bỏ tà kiến, phát sanh lòng tin. Đầu tiên vua A-dục phát khởi xây tháp, cuối đời truyền lại cho đầu nhà Đại Đường, tiếp nối làm cho hưng thịnh, nhưng thần hóa thì chẳng phải một, nên kinh dạy: Chánh pháp khi trụ khi diệt, ý tại ở đó.

Thứ 2: Duyên dẫn chứng

Trong kinh Quán Phật Tam muội dạy: Lưu giữ hình tượng Phật trong hang đá tại nước Na-càn-ha-la ở bên hồ có con rồng độc. Trong hang đá có rồng và tượng Phật ngồi, rồng biến thành mười tám thân nhập vào trong đá giống như gương sáng, ánh sáng phóng ra bên ngoài, đứng từ xa nhìn thấy mà đứng gần thì không thấy, trăm ngàn chư thiên cúng dường tượng Đức Phật, cũng hiện ra thuyết pháp.

Trong kinh Đại Tập dạy: Phía Đông thành cõi trời Đao lợi, ở trong vườn Chiếu minh có một tháp thờ tóc Đức Phật. Ở phía Nam trong thành Thô thấp có tháp thờ y của Đức Phật. Ở thành phía Tây trong vườn Hoan hỷ có tháp thờ bát của Đức Phật. Ở thành phía Bắc trong vườn Giá ngự có tháp thờ răng của Đức Phật

Luận Trí Độ dạy: Trời Đế Thích giữ y và tóc của Bồ tát, ở bên ngoài thành phía Đông của cõi trời có tháp thờ tóc và y của Đức Phật .

Theo A-dục Vương Truyện nói: Nhà vua có niềm tin đến hỏi đạo nhân: Từ trước đến nay Ta đã giết hại mà bất chấp nghĩa lý, nay phải làm những việc thiện gì để khỏi tai ương đó?

Đạo nhân đáp: Chỉ có xây tháp cúng dường chúng Tăng, phóng thả những người tù, cứu giúp những người nghèo.

Nhà vua hỏi: Có thể xây tháp ở đâu?

Đạo nhân liền dùng thần lực của tay phải thu ánh sáng mặt trời làm thành tám vạn bốn ngàn cõi chiếu khắp cả Diêm-phù đề, nơi nào có ánh sáng chiếu đến thì có thể xây tháp, nay là những nơi xây tháp vậy. Lúc ấy, nhà vua muốn xây dựng tháp thờ xá lợi, liền đem bốn bộ binh đến thành Vương-xá xin vua A Xà Thế cho Xá lợi trong tháp Phật đem về sau đó trở về tu sửa tháp này cùng với tháp trước không khác. Như vậy, vua xin được Xá lợi trong tháp của bảy Đức Phật, rồi đi đến thôn Chúng ma. Lúc đó, các vua rồng dẫn vua vào Long cung, vua cầu xin rồng cúng dường Xá lợi, vua rồng chia cho. Khi ấy, vua làm tám vạn bốn ngàn hộp bằng vàng, bạc, lưu ly, pha lê để đựng Xá lợi Phật lại làm tám vạn bốn ngàn bình báu để đựng đầy những hạt ấy, lại làm vô lượng trăm ngàn cờ phướn đủ lọng, bảo các quỷ thần mang hết Xá lợi cúng dường và nói với các quỷ thần: Hãy đến khắp bãi biển cõi Diêm phù đề, thành ấp, xóm làng đủ một vạn nhà xây dựng tháp Thế tôn. Khi ấy, có mật đất nước tên là Trước-xoa-thi-la có ba mươi sáu vạn nhà, người trong nước ấy bảo quỷ thần: Có ba mươi sáu hộp Xá lợi cho chúng tôi xây dựng tháp Phật. Vì số người trong nước ít nên vua tìm mọi cách phân chia cho họ, khiến cho mọi nhà đều đủ để xây tháp. Lúc ấy, có Thượng tọa ở thôn Ba-liên-phát gọi là Dạ-xá, vua đến đó hỏi Thượng tọa: Trẫm muốn trong một ngày xây tám vạn bốn ngàn tháp Phật khắp cõi Diêm phù đề, với ý nguyện như vậy. Thượng tọa bảo: Lành thay, Đại vương! Chỉ sau bữa cơm trưa ngày mười lăm này, cõi Diêm phù đề này sẽ đầy đủ tháp Phật trong cùng một lúc, trong một ngày đã xây dựng đủ số tám vạn bốn ngàn tháp, mọi người đều vui mừng vô cùng, đồng hiệu là tháp A-dục vương.

Trong kinh Đại A-dục vương dạy: Có tám nước cùng phân chia Xá lợi, vua A Xà Thế phân làm tám vạn bốn ngàn phần, riêng miệng và râu của Phật để lại nước ấy. Bàn-nan-đầu và vua rồng đến trong chúng để mong cầu Xá lợi. Vua A Xà Thế không cho, họ liền nói: Ta là vua rồng có năng lực phá hủy đất nước ông. Vua A Xà Thế lo sợ liền đem râu của Phật cho. Vua rồng trở về núi Tu-di cao tám vạn bốn ngàn dặm, ở dưới đó xây tháp bằng thủy tinh. Vua A Xà Thế trở về nước dùng hộp vàng đỏ đựng Xá lợi, làm ngọn đèn tháp sáng ngàn năm. Lấy cát và nước trong năm sông Hằng xây dựng tháp để cất giữ, sau vua A Dục được nước này. Vua tụ tập các phu nhân cao tám mét, tóc cũng dài như vậy đầy đủ các tướng, nhà vua bảo thầy xem tướng cho họ. Thầy tướng thưa: Phu nhân thứ hai sẽ vì vua sanh thái tử thân vàng. Vua liền lễ bái phu nhân. Sau tròn mười tháng hài nhi đầy đủ thân hình. Lúc ấy, nhà vua lại có việc đi xa, Hoàng hậu lại ganh tỵ phu nhân liền tìm mọi cách trừ khử. Hoàng hậu tìm bắt về những con heo mẹ đang sanh và nói với phu nhân thứ hai: Khanh tuổi còn nhỏ mới sanh con, không nên để lộ mặt nhìn bên ngoài hãy dùng vải che mặt. Lúc ấy, phu nhân sanh Thái tử, ánh sáng chiếu khắp cung điện, Hoàng hậu lén mang hài nhi giết đi, liền đưa heo con vào bên phu nhân rồi la mắng: Người nói sẽ vì vua sanh Thái tử thân vàng, vì sao lại sanh heo, rồi đánh mãi vào đầu, nhốt vào nhà giam trong vườn sau, cho ăn rau quả. Khi vua trở về, nghe vậy rất buồn. Sau thời gian, vua đi ra vườn thấy nhà giam bỗng nhớ lại phu nhân nên đón rước về cung. Phu nhân thứ hai dần dần được gần gũi và kể toàn bộ sự việc. Vua nghe thế rất giận dữ liền giết tám vạn bốn ngàn phu nhân. Sau đó, vua A-dục cho xây dựng tù ngục ở ngoài thành để xử trị các tội nhân. Thượng tọa Dạ-xá biết được vua giết các phu nhân phải rơi vào địa ngục, liền bảo Tỳ-kheo Tiêu-tán đến giáo hóa vua khiến phát tâm tin hiểu. Vua hỏi Tỳ-kheo: Nếu giết tám vạn bốn ngàn phu nhân thì tội có thể chuộc lại không?

Thượng tọa trả lời: Cứ mỗi người xây một tháp, trong đó thờ Xá lợi thì thoát khỏi tội.

Vua liền tìm đến Xá lợi của A Xà Thế. Trong lúc nước đó đang bị giao chiến vào năm một trăm hai mươi thì vua A-dục dẫn năm trăm người đến lấy Xá lợi. Nhà vua được Xá lợi nên rất vui mừng liền phân cho quỷ thần mang về chỗ ở và bảo cùng một lúc trong ngày hãy đem đến tám vạn bốn ngàn ngôi chùa.

Các quỷ thần thưa: Núi nhiều vách đá ngăn không thể biết được.

Vua bảo: Nếu gặp trở ngại thì về, chỉ giúp chùa treo chuông. Ta

sẽ bảo A-tu-la dùng tay vén mặt trời làm cho mọi người đều được ánh sáng.

Trong kinh A Nan dạy: Đã xây dựng xong một ngàn hai trăm tháp, thợ may cờ và thêu hoa nhưng chưa treo cờ lên, nhà vua sợ băng hà nên tháp xây xong trong sáu ngày. Vua thỉnh Tăng chúng đến cúng dường vườn của vua. Khi ấy, có A-la-hán Ưu-ba-quật-đa nhận lời thỉnh của vua, dẫn một vạn tám ngàn A-la-hán. Tôn giả Quật-đa hình tướng đoan nghiêm, thân thể mềm mại, nhưng thân hình của vua thì gầy ốm ít đẹp, Tôn giả liền nói kệ:

*Khi ta làm bố thí
Tâm tịnh thí vật tốt
Không như vua bố thí
Dùng cát cúng dường Phật*

Vua bảo Đại thần: Ta dùng cát cúng dường được phước báo như vậy. Vì sao mà không tu kính Thế tôn? Sau đó, vua tìm đến tháp của Tôn giả Ca Diếp và A Nan là đệ tử hiện tại của Đức Phật, cuối cùng cũng tìm được, rồi cứ tự trách tâm mãi, ta nên cung kính, cúng dường tất cả. Vua lại cho xây tháp lớn, mỗi tháp chi phí mười vạn hai ngọc quý để cúng dường tháp ấy lại đến cả tháp Bạc-câu-la phải nên cúng dường. Vua hỏi những việc ấy có được công đức gì?

Tôn giả Quật Đa trả lời: Trẫm không bệnh là đệ nhất và nếu không thuyết pháp một câu cho người thì im lặng không nói.

Vua bảo đại thần: Hãy đem một đồng tiền cúng dường .

Các đại thần thưa vua: Trẫm được công đức nhiều như vậy, sao đối với việc này lại cúng dường một đồng tiền?

Vua bảo các đại thần hãy nghe ta nói kệ:

*Tuy trừ được tối tăm
Trí tuệ thường soi sáng
Dù có Bạc-câu-la
Chẳng lợi gì cho đời.*

Khi ấy, đồng tiền trở lại nhà vua, các đại thần thấy đây là việc hiếm có, liền cùng nhau tán thán Tôn giả: Ô hay! Tôn giả ít muốn biết đủ, cho đến không cần một đồng tiền, vua và đại thần cúng dường cây Bồ đề sống mãi. Phu nhân Đề-xá-la-hy-đa liền nghĩ: Vua rất thương nhớ ta, hôm nay vua bỏ ta và ngọc báu, đến dưới cây Bồ đề, ta tìm cách hủy bỏ khiến vua không đến nữa mới có thể cùng ta hưởng khói lạc. Phu nhân liền sai người tưới dầu đốt cháy, cây khô lá rụng. Vua nghe như vậy rất buồn, hai chân quy xuống đất. Phu nhân thấy vua không vui

nên muốn làm cho vua vui, liền thưa: Nếu cây ấy không còn thì mạng của thiếp chẳng có! Như Lai ở nơi cây đó mà chứng đắc đạo, cây ấy đã chết thì tựa vào đâu? Sau đó phu nhân sai người lấy nước lạnh tưới vào, cây sống lại. Vua nghe, rất mừng, đi đến dưới cây, mắt nhìn không nghỉ, dùng bình nước hương tưới cây Bồ đề, cây tươi tốt sum sê trang nghiêm gấp bội. Sau đó nhà vua thân tâm thanh tịnh, tay nâng lư hương, đi đến Thánh điện, hướng về bốn phương nghĩ mà nói: Đệ tử Hiền Thánh của Như Lai ở các phương hãy thương xót mà nhận sự cúng dường của con. Khi ấy, có ba mươi vạn Tỳ-kheo đến tụ tập, trong đại chúng đó có mười vạn là A-la-hán, hai mươi vạn là học nhơn, Thái tử, quan thần ở trong cung cùng với vua đã làm vô lượng công đức, không thể tính kể.

Lại trong kinh Tạp A hàm dạy: Vua A-dục vương hỏi Tỳ-kheo: Ai ở trong pháp của Phật có thể thực hành bố thí lớn?

Các Tỳ-kheo trả lời: Trưởng giả Cấp-cô-độc là người bố thí lớn nhất.

Vua hỏi: Ông ấy bố thí bao nhiêu?

Các Tỳ-kheo trả lời: Dùng hàng ngàn lạng vàng.

Vua nghe rồi, nghĩ: Trưởng giả ấy còn bỏ ra hàng ngàn lạng vàng, nay ta là vua sao lại chỉ đem hàng ngàn lạng vàng bố thí. Hãy nên đem vô số lạng vàng cho đến hết tất cả tài sản trong kho, đem ban cho đại thần, Thái tử, kỹ nữ và những người trong cõi Diêm phù đề, cho đến cúng dường cho tất cả Thánh Tăng. Lại dùng bốn mươi ức lạng vàng để chuộc tội lỗi, nhưng tính tổng cộng mới dùng hết chín mươi sáu ức lạng vàng, thì vua bệnh nặng tự biết sắp băng hà, thường nguyện dùng vô số vàng làm công đức. Hôm nay nguyện chưa thành tựu thì để lại đời sau, chỉ thiếu bốn ức. Vua liền bảo các quan đem những ngọc báu đến cúng dường chùa Kê-đầu-ma và đem nửa quả A-la-lặc đến cúng dường lễ bái chúng Tăng, thưa hỏi các vị Đại Thánh giúp trẫm: Ta thống lĩnh cõi Diêm phù đề này, là sở hữu của ta, hôm nay sắp băng hà không được tự tại, chỉ còn nửa quả này xin chư vị thương xót thọ nhận, để ta có chút phước đức. Thượng tọa Dạ-xá liền nghiền nát bỏ vào chè thạch lựu rồi chia đều cho mọi người. Nhà vua liền hỏi quần thần: Ai là vua của cõi Diêm phù đề?

Các quan thưa: Chính là Đại vương

Vua đang nằm liền ngồi dậy, hướng nhìn bốn phương chấp tay lễ bái, nghĩ về công đức của chư Phật và nói: Hôm nay, ta lại đem tài vật bố thí cho những người ở cõi Diêm phù đề và cúng dường Tam bảo. Lúc đó vua viết trên giấy, bỏ vào trong phong bì rồi dán lại, lại dùng răng

cắn vào đó để làm ấn, làm xong mọi chuyện nhà vua liền băng hà. Bấy giờ, thái tử và dân chúng cùng nhau cúng dường và mai táng nhà vua theo như phép vua mà hỏa táng.

Lại nữa, trong kinh Pháp Ích dạy: Nay đại địa này thuộc của Tam bảo, sao lại lập thái tử làm vua?

Các quần thần nghe vậy, lại xuất bốn ức lạng vàng đem cúng dường các chùa để chuộc lại đất đó.

Lại luận Thiện kiến dạy: Vua A-dục dùng chín mươi sáu ức tiền vàng để xây dựng tám vạn bốn ngàn bảo tháp, lại làm nhiều việc bố thí lớn.

Thứ 3: Phát khởi duyên tạo phước

Kể rằng, theo các kinh luận như đã dẫn: Nguyên nhân hưng khởi tháp thì đã biết, nhưng chưa biết ý nghĩa của tháp là gì? Có bao nhiêu loại? Người làm tháp đã thông hiểu chưa?

Đáp: Tiếng Hán và Phạn khác nhau, phiên dịch có trước sau, lại có nhiều tên gọi, theo văn tự thì có đúng có sai. Tháp gọi là Tháp-bà tức phần đất vun lên, hay gọi là Chi- đề tức là nơi diệt ác sanh thiện, hay gọi là Đẩu-tẩu-ba, tức là ủng hộ, tán thán, như mọi người khen ngợi giữ gìn. Tây phạn phát âm đúng là Tốt-đổ-ba tức là miếu. Miếu là mạo tức linh miếu. Xây dựng tháp có ba nghĩa: Biểu hiện hơn người. Hai là khiến cho người tin. Ba là để báo ân. Tỳ-kheo phàm phu có phước đức cũng được xây tháp, ngoài ra không được xây. Nếu xây tháp thì có bốn loại: Một là nơi sanh. Hai là nơi thành đạo. Ba là nơi chuyển bánh xe pháp. Bốn là nơi nhập Niết bàn. Nơi sanh và thành đạo của chư Phật chắc chắn có xây tháp. Nơi đản sanh dưới cây A-du-kha, ở đây gọi là cây Vô ưu, nơi phu nhân sanh thái tử, tên của cây này là nơi xây tháp Đản sanh. Đức Phật khi thành đạo dưới cây Bồ đề, gọi cây này là tháp thành đạo. Nơi Như Lai chuyển bánh xe pháp và chỗ nhập Niết bàn thì không nhất định. Ban đầu Đức Phật chuyển bánh xe pháp cho năm Tỳ-kheo tại vườn Lộc-uyển, chu vi có hai mươi lăm tầm, mỗi tầm có tám thước. Người xưa thân rất lớn, một tầm tám xích tổng cộng là hai mươi trương. Nay người Thiên Trúc lập rất nhiều tháp chuyển pháp luân, tìm một tháp đẹp để theo đó mà xây, là khắc ba bánh xe trên ba trụ kiên cố làm biểu tượng về tướng ngày xưa Đức Phật ba lần chuyển bánh xe pháp. Gọi nơi này là tháp chuyển bánh xe pháp. Đức Phật nhập Niết bàn là nơi an trí Xá lợi, gọi đó là nơi chuyển bánh xe pháp. Hôm nay xây chùa gọi là chùa Niết bàn, đây là cố định, nếu căn cứ vào mỗi chỗ

có Xá lợi xây tháp thờ thì không nhất định, xây dựng bốn tháp này gọi là Tốt-đổ-ba.

Trong luận Tỳ Bà Sa dạy: Có người xây dựng tháp lớn nơi Đức Phật Đản sanh và nơi chuyển xe pháp, hoặc có người lấy một viên đá nhỏ làm tháp thì phước đức người này bằng người xây tháp lớn trước, vì đều có tâm tôn kính. Nếu vì Như Lai mà Đại phạn xây dựng tháp lớn hoặc nhỏ thì đều giống nhau, phước đức không khác.

Trong kinh A hàm dạy: Có bốn hạng người đáng xây tháp: Một là Phật, hai là Bích chi Phật, ba là Thanh văn, bốn là Luân vương.

Trong kinh Thập Nhị Nhân Duyên dạy: Có tám hạng người đáng xây tháp: Một là Như lai, hai là Bồ tát, ba là Duyên-giác, bốn là A-la-hán, năm là Na-hàm, sáu là Tư-đa-hàm, bảy là Tu-đà-hoàn, tám là Luân vương. Nếu đã cho phép Luân vương xây tháp một tầng, thì thấy cũng không đánh lễ, vì chẳng phải là tháp của bậc Thánh. Các vị chứng Sơ quả là tháp hai tầng, cho đến Như Lai là tháp tám tầng, tháp tám tầng trở lên đều là tháp của Đức Phật.

Trong luật Tăng Đề dạy: Khi bắt đầu xây dựng chùa, trước hết phải qui định phạm vi, nơi để làm tháp thì không được ở phía Nam và Tây, nên làm ở phía Đông và Bắc, không được lấn chiếm đất Phật, đất Tăng nên làm ở phía Tây. Phía Nam làm phòng nhà cho Tăng chúng, tháp của Phật nên làm cao hơn, tháp không được nằm trong chùa, không được tẩy rửa, giặt giũ hay khắc nhỏ trên đất. Bốn bên của tháp Phật nên tôn thờ Phật, nên khắc chạm những con thú như Sư tử, chim thú với những đường nét sắc sảo, bên trong treo cờ lọng, bốn bên tháp Phật nên tạo những khu vườn, trồng nhiều hoa quả, hoa nở để cúng dường tháp Phật. Nếu cư sĩ tự trồng cây mà thưa: Hoa ở trong vườn là để cúng Phật, quả dâng cúng Tăng dùng. Đức Phật bảo: Nên theo lời cư sĩ thưa, nếu hoa nhiều, đẹp thì được phép mang về nhà, nên nói với họ cúng dường Ta bao nhiêu, còn lại thì đem cho, nếu được thì nên dùng. Người hương đảng mua nhang cúng Phật và quét dọn tháp. Nếu có thật nhiều vật đều đem cúng Phật thì người đời cho rằng: Nghe nói Đức Phật không tham sân si chỉ tự trang nghiêm, nhưng vì hoa quả này lại ham thích, thì người ấy mắc trọng tội.

Đức Phật dạy: Cũng được xây dựng Chi-đề. Nếu có Xá-lợi thì gọi là tháp, nếu không có gọi là Chi-đề. Như những chỗ của Phật: Đản sanh, Thành đạo, Chuyển pháp luân và Niết bàn thì được thờ tượng Bồ tát, tượng Phật Bích chi. Những nơi Đức Phật đi qua này, được xây dựng Chi-đề để dâng hoa quả, dù lọng lên Ngài là cúng dường bậc trung,

dâng cúng tháp Phật là cúng dường bậc thượng, dâng cúng Chi-đề là cúng dường bậc hạ. Nếu bỗng nhiên mưa gió kéo đến, không được cúng dường thì phải tùy thuận vật cần dùng, không được bảo ta là Thượng tọa, ta là Đại-đức ở chốn A lan nhĩ khát thực, nếu được thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu vật ở trong tháp Tăng mà bị giặc cướp thì không cất giấu. Vật của Phật thì nên trang nghiêm tượng Phật. Tòa ngồi của Tăng thì nên trải ra để đặt những thứ thức ăn, khiến cho giặc thấy như vậy, liền khởi tâm từ, kẻ giặc bảo: Các Tỳ-kheo chớ sợ đi ra, tuổi nhỏ nên trông coi, nếu cuối cùng bọn giặc đến cũng không được cất giấu vật, nên nói tất cả đều vô thường, nói như vậy rồi bỏ đi. Đó gọi là pháp nạn.

Thứ 4: Duyên cảm ứng quả báo

Trong kinh Tiểu Vị Tăng Hữu, Đức Phật bảo A Nan: Nếu có một người dùng cỏ cây trong khắp thiên hạ đều vì người thì chứng đắc bốn quả và Bích-chi Phật, trọn đời được đầy đủ bốn sự cúng dường, cho đến sau khi diệt độ đều được xây tháp, cúng dường hương hoa, cờ phướn và lọng báu. Lại xây dựng cung điện của trời Đế Thích, trang nghiêm bằng tám vạn bốn ngàn trụ báu, tám vạn bốn ngàn cửa sổ báu, tám vạn bốn ngàn giếng trời báu, tám vạn bốn ngàn mái lầu gác, xung quanh bốn phía có các báu trang hoàng xen kẽ nhau. Nếu có thiện nam thiện nữ nào, xây dựng cung điện lớn trang nghiêm bằng trăm ức ngàn loại như trên để cúng dường Tăng bốn phương, người ấy phước tuy nhiều nhưng không bằng người sau khi Phật nhập Niết bàn mà đem vật bằng hạt cải để xây tháp xá lợi lớn bằng quả Yêm ma lạc, cỡi đó chỉ bằng đầu kim, bố thí lọng báu trên cũng bằng ngọn lá táo chua. Nếu hình tượng Phật bằng hạt lúa mạch, thì đầy đủ công đức hơn trước trăm lần, không bằng một ngàn lần vạn lần, trăm ngàn vạn lần, không thể sánh bằng, không thể tính kể. A Nan nên biết! Như Lai có vô lượng công đức: Giới phần, định phần, trí tuệ phần, giải thoát phần, giải thoát tri kiến phần, có vô lượng công đức thần thông biến hóa và sáu ba la mật, đều có vô lượng công đức như vậy. Lại trong kinh Vô Thượng Y dạy: A Nan chấp tay hướng về Phật thưa: Hôm nay, con khát thực ở thành Vương-xá thấy một tòa lầu mới đẹp đẽ rộng lớn trong ngoài thành nghiêm mật. Nếu có người, lòng tin thanh tịnh cúng dường Tăng bốn phương và thấy thì được cúng dường bốn việc. Nếu sau khi Như Lai diệt độ, lấy Xá-lợi bằng hạt cải lớn tôn thờ trong tháp. Xây dựng tháp lớn bằng hạt A-ma-la, thành một cỡi bằng đầu mũi kim, tầng tháp lớn bằng tán lá táo, đắp tô tượng Phật lớn bằng hạt lúa tẻ. Hai công đức ấy sao gọi là thù thắng? Đức

Phật bảo Tôn giả A Nan: Như người đắc bốn quả bậc Thánh và chứng quả vị Bích-chi Phật đầy trong thiên hạ như cây mía, rừng trúc, lau sậy, ruộng vườn....Nếu có người cúng dường suốt đời, đầy đủ bốn việc thì sau khi nhập Niết bàn chắc chắn được xây tháp lớn, cúng dường hương hoa, y phục, tràng phan. Nay A Nan nghĩ sao? Công đức của người này nhiều không?

Tôn giả A Nan thưa: Bạch đức Thế tôn! Rất nhiều.

Này A Nan! Sự việc như vậy. Lại như chỗ an trú của trời Đế Thích có lầu gác rất lớn gọi là điện Thường thắng, trang hoàng bằng tám vạn bốn ngàn báu quý. Nếu có thiện nam, thiện nữ nào lòng tin thanh tịnh xây dựng điện báu hơn vậy trăm ngàn câu chi để cúng dường Tăng bốn phương. Lại có người sau khi Như Lai diệt độ, lấy Xá lợi bằng hạt cải, xây tháp bằng hạt A-ma-la lớn, thành một cõi bằng đầu mũi kim, xây tầng cửa tháp bằng tán lá táo, tạc hình tượng Phật bằng hạt lúa lớn. Ta cho là công đức này hơn trước trăm phần, không thể sánh kịp, một ngàn vạn ức phần cho đến vô số phần không bằng một phần, ví dụ chẳng gì bằng. Vì sao? Vì Như Lai có vô lượng công đức, nếu nghiền nát thế giới Ta bà này nhỏ như bụi trần thì tuần tự các bụi trần đó là bốn quả vị Samôn và Bích-chi Phật. Nếu thiện nam, thiện nữ có lòng tin thanh tịnh, trọn đời cúng dường cho đến sau khi Phật diệt độ xây dựng tháp dâng cúng cũng như lấy Xá lợi bằng hạt cải lớn, cho đến tạc tượng bằng hạt lúa lớn, cho rằng công đức này tối thắng hơn trước, trăm phần ngàn vạn ức phần không bằng một phần, cho đến tính toán thí dụ không thể tính kể. Như vậy này A Nan! Tất cả Như Lai xưa kia ở nơi này, biết được tự tánh chúng sanh thanh tịnh, bị khách trần phiền não làm ô nhiễm nhưng không thể xâm nhập vào cảnh giới thanh tịnh của chúng sanh, có thể vì chúng sanh thuyết giảng pháp sâu xa vi diệu, khiến họ trừ bỏ phiền não chướng, tâm lượng thấp kém. Ta rộng lượng với chúng sanh khởi tâm tôn trọng, phát khởi cung kính Đại sư, sanh khởi Bát nhã, phát sanh Xà na, dấy khởi lòng bi lớn, nhờ vào những điều này mà Ta kiến lập pháp. Bồ-tát được nhập vào quả vị A-bệ-bạt-trí, thì nương vào trí như thật để được phương tiện, chứng đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lại trong kinh Niết Bàn dạy: Nếu đốt một cây hương cho đến dâng một cành hoa cúng dường Phật, Pháp, Tăng thì chắc chắn sanh vào nước không loạn. Nếu giữ gìn tốt vật của Phật Tăng, dọn quét chùa tháp Phật và phòng nhà Tăng chúng, hay với tâm hoan hỷ xây dựng tượng tháp chỉ bằng ngón tay trở thì cũng sanh vào nước không loạn. Đây là cõi Tịnh

độ, thường trang nghiêm, không bị ba chướng nạn làm rối loạn.

Thứ 5: Duyên đi quanh tháp

Như trong kinh Bồ Tát Bốn Hạnh dạy: Ngày xưa, khi Đức Phật còn ở đời, Ngài cùng với tôn giả A Nan khát thực trong thành Xá-vệ. Lúc ấy, ở đó có Bà-la-môn từ ngoài vào, thấy Đức Phật từ thành ra phát ánh sáng rực rỡ, liền vui mừng, đi quanh Ngài một vòng đánh lễ rồi lui ra. Đức Phật mỉm cười, bảo tôn giả A Nan: Bà-la-môn này, gặp Ta vui vẻ, với tâm thanh tịnh đi quanh một vòng. Do công này, từ đây về sau, trải qua hai mươi lăm kiếp không rơi vào đường ác, hàng trời người vui mừng vô cùng, sau hai mươi lăm kiếp sẽ chứng được quả vị Phật, gọi là Trì-thân-na-kỳ-lợi. Do nhân duyên này, nếu ai đi vòng quanh Phật và tháp Phật thì sẽ được sanh vào cõi ấy được vô lượng phước đức.

Lại trong kinh Đề-vị dạy: Trưởng giả Đề-vị bạch Phật: Hương đăng tung hoa, đốt hương là để cúng dường, còn nhiều quanh tháp thì được lợi ích gì?

Đức Phật dạy: Đi nhiều quanh tháp có năm phước đức: Một là đời sau được tướng tốt, đoan nghiêm. Hai là được tiếng hay. Ba là được sanh lên cõi trời. Bốn là được sanh trong nhà vua chúa. Năm là được đạo Niết bàn. Do duyên gì mà được tướng đẹp đoan nghiêm? Vì thấy được tượng Phật mà vui mừng. Do duyên gì mà được tiếng hay? Do đã đi quanh tháp thuyết giảng kinh. Do duyên gì sanh lên cõi trời? Do khi đi quanh tháp tâm không phạm giới. Do duyên gì mà sanh vào nhà vua chúa? Do đánh lễ sát chân Phật. Do duyên gì được đạo Niết bàn? Do có nhiều phước đức khác. Đức Phật dạy: Đi quanh tháp có ba phương pháp: Một là khi chân cất lên thì biết chân cất lên. Hai là khi chân đặt xuống, biết chân đặt xuống. Ba là không được ngó nhìn trái phải, khắc nhỏ trên đất chùa, khi đi nhiều theo hướng phải. Trong kinh luật cấm, chỉ đi về hướng phải, nếu đi về hướng trái thì bị các thần quở trách, cho đến đồng lúa cũng nên đi quanh theo hướng phải, nếu trái lại thì thế gian sẽ chê cười. Hôm nay, đi như thế là thuận theo với trời, theo hướng Tây bắc. Bày vai phải hướng về Phật cung kính, đi quanh trăm vòng, mười vòng, bảy vòng, tất cả đều có ý nghĩa của nó. Thường nói đi ba vòng là biểu lộ tôn kính Tam bảo, diệt ba độc, làm sạch ba nghiệp, trừ ba đường ác, được thành tựu Tam bảo.

Kinh Hoa Nghiêm nói kệ:

Muốn đi quanh tháp

Nguyện cho chúng sanh

*Bố thí cứu giúp
Làm sáng ý đạo.
Nhiều tháp ba vòng
Nguyện cho chúng sanh
Tâm ý đồng nhất
Bốn hỷ thường còn.*

Trong kinh Hiền Giả Ngũ Giới dạy: Đi quanh tháp ba vòng là biểu thị ba tôn kính: Một là Phật, hai là Pháp, ba là Tăng. Lại cũng nhớ nghĩ để diệt ba độc: Một tham, hai sân, ba si.

Lại trong Tam thiên oai nghi dạy: Nhiều tháp có năm việc: Một là đề đầu sát đất. Hai là không giẫm đạp côn trùng. Ba là không được ngoái nhìn trái phải. Bốn là không được khạc nhổ lên đất trước tháp. Năm là không được trong tháp cùng nhau nói chuyện.

Trong kinh Đại Tập, Đức Phật bảo Phạm thiên vương: Chúng Thanh văn của Ta trong hiện tại và vị lai tương ứng ba nghiệp và cùng tương ứng với ba hạt giống Bồ đề, Hữu học, Vô học, trì giới đầy đủ, đa văn thiện hạnh, cứu độ chúng sanh ở trong biển ba cõi. Các thí chủ vì đệ tử Thanh văn của Ta mà xây dựng chùa tháp, lại dâng cúng những vật cần dùng và bà con của họ phó chúc cho các vị, chớ khiến vua xấu ác dùng những pháp sai lầm làm quấy nhiễu. Lúc ấy, Phạm vương, Đế Thích, Thiên vương, Long vương, Dạ xoa...đều chấp tay hướng về Phật, thưa: Bạch Đại đức Bà-già-bà, đã có chùa tháp của chư Như Lai và nơi thanh vắng. Ở đời vị lai người tại gia hay xuất gia, vì đệ tử Thanh văn của Thế tôn mà xây chùa tháp, chúng con đều ủng hộ, để xa lìa các nạn lo sợ. Chúng con như vị thí chủ cung cấp những vật cần dùng như thức ăn uống, y phục, chỗ ngồi nằm, thuốc thang để hộ trì.

Trong kinh Thất Phật dạy: Thần bảo vệ chùa có mười tám vị: Một là Mỹ Âm, hai là Phạm Âm, ba là Thiên-cổ, bốn là Thán Diệu, năm là Thán Mỹ, sáu là Ma Diệu, bảy là Hương Âm, tám là Sư Tử, chín là Diệu Thán, mười là Phạm Hưởng, mười một là Nhơn Âm, mười hai là Phật Nô, mười ba là Thán Đức, mười bốn là Quảng Mục, mười lăm là Diệu Nhân, mười sáu là Triệt Thính, mười bảy là Triệt Thị, mười tám là Biến Thị. Chùa cũng có chư thần hộ vệ nhưng người ở đó cũng nên cố gắng chớ lười biếng mà chịu quả báo ở hiện tại.

Thứ 6: Duyên vào chùa

Cho rằng: Theo Ấn độ, người nữ khi vào chùa, đến ngoài cổng chùa vui ví được gặp, nên trước hết phải sửa sang y phục, lễ tượng trưng

một lạy. Khi vào trong chùa rồi lại lạy một lạy mới khoan thai nhìn thẳng bước tới, không được trông ngóng liếc nhìn hai bên.

Kinh Niết Bàn dạy: Người đến Tăng có bảy pháp: Một là phát sanh lòng tin. Hai là lễ bái. Ba là nghe pháp. Bốn là chí tâm. Năm là suy nghĩ về nghĩa lý. Sáu là như lời dạy mà thực hành. Bảy là hồi hướng Đại thừa. Làm lợi ích an lạc cho nhiều người là an trú trong bảy pháp lành, tối thắng vô thượng không thể ví dụ.

Trong kinh Trưởng giả Úc-già, Đức Phật dạy Trưởng giả: Bồ tát tại gia, khi vào Tinh xá tháp của Phật trước phải đứng ngoài cửa lẳng lòng làm lễ, sau đó vào Tinh xá tự nghĩ mà nói: Khi nào ta mới được như các vị ở trong chùa, thoát khỏi chốn bụi trần.

Lại trong luận Thập Tỳ-bà-sa dạy: Bồ tát tại gia nếu vào chùa, trước tiên muốn vào thì phải đứng ngoài cửa chùa, năm vóc sát đất nên nghĩ: Đây là nơi an trú của những thiện nhơn, tu tập lòng Từ, Bi, Hỷ, Xả, thế nên ta cần lễ bái. Nếu gặp các Tỳ-kheo đầy đủ oai nghi thì phải nghiêm chỉnh tôn kính lễ bái, gần gũi thưa hỏi.

Lại trong kinh Tự ái dạy: Bảy giờ, có vua của một nước đến chỗ Đức Phật, cách Tinh xá còn xa mà nhà vua đã xuống xe che lọng, cởi bỏ dao kiếm, giày dép, chấp tay vào thẳng.

Lại luật Tăng Kỳ dạy: Nếu đi nhìn thẳng thì khi trở lại chùa hợp với thân. Tóm lại khi đi, trước hết đặt gót chân xuống, sau đó mới hạ ngón chân.

Trong luận Trí Độ dạy: Trước khi đi phải nhất tâm, khoan thai, cất chân lên hay đặt xuống đều nhìn mặt đất mà đi, tránh tâm tán loạn, vì muốn bảo vệ chúng sanh. Đây gọi là tướng bất thối của Bồ tát.

Trong truyện Tây Quốc Tự Đồ kể: Đến chỗ Phật lễ ba lạy, nhiều quanh tháp ba vòng, cùng tán thán ba lần. Lễ bái xong, mới đến bên ngoài phòng chúng Tăng lễ một lạy, sau đó vào gặp Thượng tọa thứ tự xuống dần, mỗi vị đều ba lạy. Nếu chúng Tăng nhiều thì một lạy. Nếu thấy việc chẳng như pháp thì cũng không được chê cười quở trách. Nếu nói ra lời trách móc hiềm khích thì tự mất lợi ích tốt lành, chẳng đúng phép vào chùa.

Trong kinh Niết Bàn dạy: Người vào chùa phải xả bỏ dao gậy và các vật tạp toái, sau đó mới được vào chùa. Xả bỏ dao gậy là từ bỏ tham, sân hướng tâm đến Tam bảo. Xả bỏ những vật tạp toái là từ sự xả bỏ để mong cầu Tam bảo. Khi diệt trừ hết hai việc này thì mới được vào chùa. Đi phải thuận với Phật, không được đi ngược chiều. Giả sử bị trở ngại nên đi theo hướng trái, thì phải luôn tưởng rằng ta đang ở phía phải

của Phật. Khi ra vào đều luôn chú tâm hướng về Phật lễ lạy. Tam bảo là luôn nghĩ là một thể duy nhất. Người nào hiểu biết trọn vẹn đầy đủ về Pháp thì được gọi là Phật. Những phương pháp để hiểu biết được đạo gọi là Pháp. Người học tập theo con đường của Đức Phật gọi là Tăng, tức là biết tất cả phàm phu, Hiền Thánh đều cùng một thể không hai. Khi vào chùa nên cúi đầu nhìn xuống đất, không được ngược lên cao, thấy đất có trùng chớ xao lãng để vô tình sát hại, thường tán thán khen ngợi, không được khạc nhổ trên đất Tăng. Nếu thấy cây cỏ không sạch thì nên nhổ chặt đi.

Trong luật Tứ Phần dạy: Khi đã vào chùa Tăng rồi, trước nên lễ tháp Phật, đến lễ tháp Thanh văn, sau đó lễ Thượng tọa thứ nhất cho đến Thượng tọa thứ tư

Lại luật Ngũ Phần dạy: Nếu vào chùa chúng Tăng nhiều thì chỉ riêng lễ thầy, còn những vị khác chỉ lễ đại diện rồi đi.

Trong luật Tứ phần dạy: Năm chúng xuất gia được lễ tháp người và tháp Phật.

Trong Ngũ Bách Vấn Sự nói: Đệ tử được phép lễ lạy tẩm thầy để báo ân. Lại trong kinh Tăng Nhất A Hàm dạy: Trong tháp không nên lễ người khác. Lại trong luật Thập tụng dạy: Trước tháp Phật, tháp Thanh văn, mình và người không nên làm lễ. Lại theo Ngũ bách vấn sự nói: Trước tháp Phật mà lễ người khác thì bị tội. Lại theo kinh Tam thiên oai nghi dạy: Không được ở chỗ cao mà làm lễ. Hiện nay, có nhiều chùa và các nhà thế tục đều ở trên giường mà lễ Phật, điều này đại kiêu mạn. Ví như muốn báỉ đại vương thì đâu được phép ở trên giường mà lễ lạy? Người đối với vua còn chưa được phép hướng nữa đối với Pháp vương thì làm sao sánh được?

Theo luận Tỳ Ni Mấu dạy: Không được mang giày dép da vào tháp.

Trong bách sự nói: Nếu các loại dép da, giày ủng sạch sẽ thì được phép mang lễ báỉ. Luật Tăng kỳ dạy: Nếu người thọ nhận lễ báỉ thì không được như dê cầm chẳng nói, phải cùng nhau hỏi thăm sức khỏe ít bệnh, ít nảo, an vui cả chẳng? Đường đạo không vất vả chứ? Kể rằng: Nếu có người hoặc bị nạn cần đến chùa vào ban đêm, thì không được nằm trên giường chiếu của chúng Tăng, tất nhiên không có lòng từ hữu, mượn giường nằm như pháp, nhưng không được cùng Tăng ngủ một giường, nên trong kinh Bảo Khiết dạy: Nếu cùng Tăng ngủ một giường dù chỉ nửa thân cũng bị chết khô, đọa vào địa ngục, chịu khổ lớn. Khi Tăng chưa ngủ không được ngủ trước, không được cười cợt, nói năng

chẳng đúng pháp, mắt oai nghi sợ làm chúng động tâm, nếu có đi giải, khắc nhỏ vì cầu ở lại đêm nên không đi ra ngoài vẫn không phạm. Khi ngủ nghiêng về bên phải sát giường, chân chồng lên nhau, tâm thường nghĩ tưởng ánh sáng, nhớ sẽ thức dậy sớm, là biểu hiện nhân của người xuất gia. Nên kinh dạy: Người nằm giữa là tướng nằm của Tu-la, nằm mặt áp sát là dáng nằm của Nga-quỷ, nằm nghiêng phía bên trái là kiểu nằm của người tham dục, nằm nghiêng bên phải là tướng nằm của người xuất gia. Phải thức dậy trước chúng, thu xếp gọn gàng rồi đến trước phòng chúng Tăng. Trong kinh Sa-di oai nghi dạy: Nếu muốn vào phòng thầy thì gõ nhẹ ba tiếng.

Trong kinh Tam Thiên Oai Nghi dạy: Muốn vào phòng thầy, phải đủ năm pháp: Một là ở ngoài gõ. Hai là cất mũ nón. Ba là lễ bái. Bốn là đứng thẳng, thầy cho phép mới ngồi. Năm là không quên mang kinh vào.

Theo luật Tăng Kỳ dạy: Đệ tử phải dậy sớm, khi vào phòng thầy nên bước chân phải trước, đánh lễ sát đất, thưa hỏi thầy có ngủ an giấc không? Nên trong luận Thiện kiến dạy: Đệ tử thưa hỏi thầy nên đứng cách xa sáu nơi: Một là không được đứng trước mặt thầy. Hai là không được đứng sau. Ba là không được đứng quá xa. Bốn là không được đứng quá sát. Năm là không được đứng chỗ cao. Sáu là không đứng trước gió mà phải đứng không gần không xa, chỉ đứng một bên khiến thầy nói nhỏ vẫn nghe được, không làm tổn sức của thầy. Khi hầu thầy, các oai nghi đi đứng đều không được lia thầy. Theo luận Thiện kiến dạy: Đệ tử đi theo thầy, không được bước giẫm trên bóng của thầy. Kể: Nếu người nữ vào chùa, mọi cách thức đều giống trước, nhưng không được ngồi phía trên người nam, hình dáng nói cười, tô son đánh phấn, kẻ mi mày trang điểm giả tạo đều là cách trêu chọc. Hãy bảo người nữ cầm thau để rửa tay sửa sang chỉnh tề, cần nhất tâm nghiêm túc giáo hóa khiến họ theo lời dạy dâng hương, thành tâm cúng dường, sám hối tự trách mình đã sanh vào phái nữ thường bị chướng ngại, nên ở trong pháp diệu này mà tu trì, giữ gìn pháp Vô nhân, không được vì người mà sửa soạn, sao thật khổ thay! Nên sanh lòng thương xót. Nếu thấy Sa-di thì phải lễ bái như bậc đại Tăng, chớ vì giới phẩm nhỏ mà không cung kính. Vị Sa-di này tuy đối với bậc đại Tăng là nhỏ nhưng đối với thế tục lại lớn, nên phải hết lòng thực hành. Những pháp qui về người nữ thì rất nhiều, đã trình bày đủ trong quyển Pháp uyển châu lâm bách.

Kể là: Nếu người nam, người nữ nào đã xong công việc lâu dài, cần muốn ra khỏi chùa thì phải đến trước tháp Phật lễ ba lạy, lại nhiều

quanh tháp ba vòng, chấp tay tán dương, sau đó ra ngoài cổng chùa lại vái một vái. Khi gặp chúng Tăng phải đến, nếu ít thì lễ mỗi vị ba lạy, nếu Tăng nhiều thì chỉ lễ tượng trưng ba lạy. Nên luật Thiện kiến dạy: Khi lễ Phật nên nhiều tháp ba vòng và lễ ba lạy, lễ bốn phương, chấp mười đầu ngón tay sát nhau, đi tới gần rồi ra, trọn không thấy Như lai, lại hướng đến trước làm lễ rồi đi. Người vào chùa là tạo duyên xuất thế, xây dựng chùa là nhân duyên khai mở cõi tịnh, cúng dường Tăng là phép tắc của người xuất ly. Chỉ có người thế tục thiếu thốn vật chất, vào chốn già lam thanh tịnh, nhất cử nhất động đều sợ phép tắc nhưng về nhà thì ra đôi chút thì chuộc lại. Biểu trưng của Tăng là thí pháp, thế tục thì bố thí tài vật, mọi việc làm đều thích hợp với trong ngoài và có lợi ích.

Thứ 7: Duyên tu sửa

Trong kinh Y Tượng Pháp Quyết Nghi dạy: Gây tạo việc mới không bằng sửa đổi điều cũ, tạo phước không bằng lánh xa tai họa, những lời nói này nghiệm lại đúng như vậy. Hoặc có chùa tháp trong thôn xóm bị hư hỏng, thiêu đường, chánh điện mục nát, phòng ốc sụp đổ, cửa cỏ nhà lá, không ngăn che được khói bụi, chỉ bình nước tưới vào nhà lá cũng không ngăn được gió sương. Cho nên tường cửa đổ nát, mùi hôi lan tràn, trên đường mất dấu chân người, Tăng chúng lưu lạc, không trau dồi tu tập, ngày càng suy sút, tạo tội lỗi sai chưa khi nào dừng bỏ, đêm tối đốt đèn mà tự mình chẳng biết, ngày sáng, cờ hoa đến nơi mà chẳng thấy, thiêu đường bật dứt, lời ca tụng hay ho, lư hương chỉ còn tro tàn của bụi trần, quỷ ác nổi dậy, các thiện thần hết ủng hộ, già lam không vững bền khiến Tăng chúng ngạo mạn, lười biếng. Phật pháp suy đồi đều do cư sĩ không cung kính. Những việc này không đau buồn mà còn mong cầu điều gì nữa?

Lại trong kinh Bảo Lương Khế dạy: Có một Hiền giả có tướng là vua của một nước. Thấy xem tướng thấy vậy bèn gán con gái cho ông ấy. Sau đó Hiền giả vào chùa, Ý vào già lam mà sanh kiêu ngạo, nên mất đi đáng về quốc vương, bèn rơi vào địa ngục lớn.

Trong kinh Tát Già dạy: Hoặc có người không thích chùa, tháp và các hình tượng nên gây trở ngại trong thôn xóm, bèn chuyển đi nơi khác. Người ác như vậy, đã chấp giữ điều xấu ác làm rối loạn phân chia chúng sanh, trong phẩm thượng đã trị họ.

Theo kinh Thập Luận dạy: Nếu có người phá chùa, giết hại Tỳ-kheo thì lúc sắp chết, người ấy các chi đều đau nhức, nhiều ngày không

nói, khi chết rơi vào địa ngục A-tỳ, chịu mọi thứ khổ.

Lại trong kinh Tam Thiên Oai Nghi dạy: Quét trên tháp có năm việc: Một là không được mang giày lên. Hai là không được quay lưng vào tháp Phật mà quét. Ba là không được lấy đất tốt ở trên mà ném xuống. Bốn là không được dùng hoa cũ để dâng cúng tượng Phật. Năm là mỗi ngày phải rửa tay sạch, giặt khăn lau chùi tượng Phật. Lại có năm việc: Một là trước phải tưới đất. Hai là sang bằng ra. Ba là phải đợi cho khô ráo. Bốn là không được trái ngược. Năm là không được quét ngược gió. Lại có năm việc: Một không được quét sạch, bỏ đi đất tốt. Hai là phải tự tay nhặt cỏ. Ba là lấy đất mang xuống chỗ thấp. Bốn là không được quét dồn ở bốn góc. Năm là quét sạch trước tháp ba mươi thước. Theo kinh Chánh pháp niêm xứ dạy: Nếu có chúng sanh tâm thanh tịnh cúng dường chúng Tăng, quét dọn tháp Phật, khi chết được sanh về cõi trời Ý lạc, thân không có xương thịt và dơ bẩn, hương thơm thường bay khắp trăm do tuần. Thân này thường trong suốt như gương sáng. Kinh lại dạy: Nếu có chúng sanh biết được ruộng phước nên thấy tháp của Phật bị mưa gió, phòng chúng Tăng hư hoại, với tâm cầu phước mà sửa chữa tu bổ, lại bảo người khác sửa tháp, khi chết được sanh cõi trời, thân luôn trong suốt. Người thân tươi sáng này vào rừng lưu ly cùng với các thiên nữ hưởng thọ khoái lạc. Khi nghiệp hết, trở lại trong loài người thân vẫn trong sáng.

Trong kinh Tập Bảo Tạng dạy: Nếu ai quét hết phòng nhà chúng Tăng trong cõi Diêm phù thì cũng không bằng quét tháp Phật chỉ trong khuỷu tay.

Lại trong kinh Tuyển Tập Bách Duyên dạy: Quét đất được năm công đức: Một là trừ được tâm cấu uế của mình. Hai là từ bỏ tâm cấu uế của người. Ba là diệt trừ kiêu mạn. Bốn là điều phục được tâm. Năm là tăng trưởng công đức được sanh cõi lành.

Theo kinh Vô Cấu Thanh Tịnh Nữ Vấn dạy: Quét tháp được năm công đức: Một là tâm mình thanh tịnh, người khác thấy sanh tâm thanh tịnh. Hai là thương người. Ba là ưa thích cõi trời. Bốn là huân tập nghiệp chân chánh. Năm là lúc chết được sanh vào cõi trời Thiện đạo.

Trong kinh Sa-di Oai Nghi dạy: Quét đất có năm cách: Không được quét sau lưng người. Hai là không được quét ngược gió. Ba là trước nên tưới nước. Bốn là phải quét thật sạch. Năm là phải đi lui.

Theo kinh Tăng Nhất dạy: Quét tháp Phật có năm cách: Một là tưới nước trên đất. Hai là nhặt bỏ sỏi đá. Ba là làm cho đất bằng phẳng. Bốn là quét đất được tâm ngay thẳng. Năm là trừ bỏ xấu ác. Khi đất đã

sạch rồi, nên cắm hương hoa tung khắp mặt đất để cúng dường thì được vô lượng phước đức. Nên kinh Hoa Nghiêm nói kệ:

*Tung hoa trang nghiêm ánh sáng tịnh
Diệu hoa trang nghiêm để làm cờ
Rải các loại hoa khắp mười phương
Cúng dường tất cả chư Như Lai.*

Trong kinh Tiểu Pháp Diệt Tận dạy: Sau khi kiếp hỏa sanh khởi, chỗ đã từng xây dựng chùa thì không bị lửa cháy cho đến cõi kim cang làm bằng đài núi.

Trong kinh Bồ Tát Bồ Hạnh dạy: Thuở xưa khi Phật còn ở đời, Ngài bảo năm trăm vị A-la-hán: Các vị hãy nói những công đức đã làm đời quá khứ mà hôm nay được gặp Ta và có nhân duyên với đạo. Bấy giờ, có A-la-hán tên Định Quang, sau khi vào Niết bàn, phân chia Xá lợi, xây tháp cúng dường. Khi pháp sắp diệt, có người nghèo khổ không có cách để kiếm sống, bèn làm nghề bán củi, khi đến đầm chặt củi, từ xa thấy trong đầm có một chùa tháp rất đồ sộ, liền đến bên tháp, chiêm ngưỡng vui mừng đánh lễ các hình tượng, lại thấy loài thú như cọp, chim bay đến đó để trú đêm. Trong đó đầy cả gai góc cỏ lác lộn xộn, chẳng một bóng người, lại không có dấu chân đi cũng không có người cúng dường. Người nghèo thấy vậy đau xót, nhưng không biết thần lực và phước đức của Như Lai mà chỉ thích chặt dọn cây cỏ và những thứ dơ bẩn, dọn quét xong đi nhiều quanh tháp tám vòng rồi đánh lễ lui ra. Nhờ công đức này, sau khi chết được sanh vào cõi trời Quang-âm. Trong cung điện ấy, các báu ánh sáng chiếu rực rỡ, lộng lẫy nhất trong các cõi trời không thể tính kể. Khi kết thúc ở cõi trời được một trăm lần sanh làm vua Chuyển luân, bảy báu tự nhiên có, làm vua trong thiên hạ. Sau khi qua đời, được sanh vào nhà trưởng giả dòng họ lớn của quốc vương, tài sản giàu có vô lượng, sắc tướng đoan chánh tuyệt vời không ai bằng, ai thấy cũng yêu thích tôn kính. Vị ấy khi đi, đường tự nhiên sạch sẽ, trong hư không mưa các thứ hoa. Bà-yết-đa nói: Người nghèo xưa kia nay chính là thân Ta, do trước Ta đã quét tháp mà tự nhiên sanh ra nơi này. Trong một a tăng kỳ chín mươi kiếp không rơi vào đường ác, giàu sang phú quý trong thế gian và cõi trời, tự nhiên giàu có hưởng thọ khoái lạc vô cùng. Thân sau cùng này gặp Đức Phật Thích-ca, từ bỏ phú quý đi xuất gia chứng đắc quả A-la-hán, thành tựu ba minh sáu thông và tám giải thoát. Nếu có người đối với Phật Pháp Tăng làm chút việc thiện nhỏ như đầu sợi lông thì được sanh ra nơi hưởng thọ phước báo rộng lớn không có cùng tận.

Lại trong kinh Thí Dụ dạy: Thời Đức Phật Tỳ Bà Thi có thái tử Kỳ-đà đưa đến hai người giúp việc để quét chùa tháp. Do công đức này mà đời đời thường được bảy báu, cung điện nhà cửa, hai bên cửa tự nhiên thường xuất hiện vàng bạc, nam nữ nâng bình tràn đầy bảy báu lấy mãi không hết. Vào ban đêm tự nhiên thường xuất hiện quân lính cõi trời, có hơn năm trăm binh sĩ bảo vệ nhà cửa, không giám đến gần. Bảy xe báu của vua là: Một là kim luân báu. Hai là bạch tượng báu. Ba là cãm mã báu. Bốn là thần châu báu. Năm là ngọc nữ báu. Sáu là chủ tạng thần báu. Bảy là chủ binh thần báu.

Lại trong kinh Tạp Bảo Tạng dạy: Xưa kia trong nước Xá vệ, có một trưởng giả xây chùa tháp, sau đó qua đời sanh vào cung trời Đao-lợi. Người vợ ngày đêm nhớ mãi người chồng cũ, ưu sầu khổ não. Vì thường nhớ chồng nên hay quét dọn chùa tháp mà chồng mình đã xây dựng. Người chồng nhìn xuống thấy liền đến nơi người vợ, ân cần hỏi thăm sức khỏe và nói: Nàng nhớ ta nên buồn rầu lắm chăng?

Người vợ nói: Người là ai?

Người chồng liền trả lời: Ta là chồng của nàng, nhờ công đức xây tháp mà được sanh lên cõi trời, thấy nàng nhớ ta mà sửa sang chùa tháp nên đến đây.

Người vợ nói: Hãy đến gần em đi!

Người chồng liền đáp: Thân người ô uế nên không thể gần được. Nàng muốn làm vợ của ta thì siêng năng cúng dường chư Phật, chúng Tăng và sửa sang quét dọn chùa tháp để cầu mong về cõi trời của ta. Nếu được sanh lên cõi trời thì ta chắc chắn lại lấy nàng làm vợ.

Người vợ nghe theo chồng làm các công đức, phát nguyện sanh lên cõi trời. Sau đó, bà qua đời được sanh lên cõi trời lại được làm vợ người ấy. Hai vợ chồng cùng nhau đến chỗ Phật được nghe Ngài thuyết pháp, họ đều chứng quả Tu-đà-hoàn, sau đó trở về cõi trời.

Lại trong luận Phân biệt công đức dạy: Xưa ở trong thành Xá-vệ có cặp vợ chồng, hai người không có con, người chồng thường tin kính Tam bảo, người vợ mất sớm. Do tin kính Tam bảo nên được sanh lên cõi trời Đao-lợi, làm Thiên nữ trẻ, sắc mặt tuyệt đẹp trong số ấy. Thiên nữ nghĩ, ta rất đẹp, hôm nay, trong đây ai là chồng của ta? Liền dùng thiên nhãn thấy được người chồng xưa, nay xuất gia đã già trí tuệ lẫn lộn, thường có đức tin nên siêng năng quét dọn chùa tháp, thấy chồng mình quét dọn chắc chắn được sanh lên cõi trời. Thiên nữ liền hạ xuống, ánh sáng chiếu rực rỡ, đứng trước mặt chồng. Vị Tỳ-kheo thấy rồi liền hỏi nhân duyên đó.

Thiên nữ đáp: Tôi là vợ của người, nay là Thiên nữ. Tôi quán sát thấy ở trên cõi trời không có ai chồng của ta, thấy người tinh tấn quét dọn chùa tháp chắc chắn được sanh cõi trời, nếu được sanh lên đó thì mong cùng ở một chỗ, lại kết duyên vợ chồng. Do đó, tôi đến đây để bày tỏ tình cảnh, nói xong trở lại cõi trời. Khi đó, Tỳ-kheo ấy biết được sự việc này, từ đây trở đi càng tinh tấn hơn, tu sửa chùa tháp, tích lũy càng nhiều công đức nên được sanh lên cõi trời Đâu-suất thứ tư. Thiên nữ nhớ chồng liền đến nói: Người có rất nhiều phước nên được sanh vào trời Đâu-suất. Hôm nay, tôi lại không được làm vợ của người, nói xong lại đi. Vị Tỳ-kheo nghe rồi càng siêng năng gấp bội liền đắc quả A-la-hán, ba minh, sáu thông và đủ tám giải thoát.

Trong kinh Bách Duyên dạy: Khi Đức Phật còn tại thế, trong thành Ca-tỳ-la, có một trưởng giả, tài sản vô lượng, vợ chồng ông thường quét dọn chùa tháp nên sanh đứa con đoan chánh đẹp đẽ, ai thấy cũng tôn kính, đã nhiều lần được gặp Phật, chứng quả vị A-la-hán. Bấy giờ, Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

Ở trong đời quá khứ chín mươi một kiếp có Đức Phật Tỳ Bà Thi sau khi vào Niết bàn, có vua Bàn-đầu-mạc-đế thân nhật Xá lợi, xây bốn tháp báu cúng dường. Về sau, bị hư hỏng chút ít. Có đồng tử vào tháp thấy như thế, tỏ ra vui vẻ, muốn tập trung mọi người trao đổi cùng nhau tu sửa tháp, phát nguyện xong rồi đi. Do công đức này trải qua chín mươi kiếp không rơi vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, ở trong trời người hưởng thọ khoái lạc, luôn được sự tôn kính của trời người, cho đến hôm nay lại gặp Ta, được sự tôn kính của mọi người, đã xuất gia đắc đạo, nghe Phật thuyết pháp hoan hỷ phụng hành. Kệ viết:

*Di thân tám vạn tháp
Xây báu cao trăm trượng
Nghỉ phượng, linh diệu khác
Tháp vàng thay tay Phật.
Điêu khắc vào các góc
Lưới cây làm mái cao
Đất báu các trong hồ
Gió linh vang ra tiếng
Khắc đũa cả ngàn lần
Vạn bức tượng xanh đỏ
Hoa văn khi mờ, tỏ
Thần tiên bỗng nhiên đến.
Sương phủ nửa tầng nhà*

*Cờ bay lên khỏi mây
 Nghê đến không dám dừng
 Gà liệng nương vào đâu
 Phước địa hạ dây vàng
 Báo trời đâu hư dối
 Nguyện mượn thuyền cuối cùng
 Bờ kia người nói lớn.*

PHẦN THỨ 3: NHIẾP NIỆM

- Duyên thuật ý
- Duyên thập niệm
- Duyên lục niệm
- Duyên phát nguyện.

Thứ 1: Trình bày về duyên ý

Tâm phàm phu khó giữ gìn. Ví như loài vượn trên núi, thường theo cảnh bên ngoài, giống như voi say, ba nghiệp luôn dấy động, do duyên trợ giúp nên càng tăng trưởng, vì thế Đức Phật chế giới để chế ngự. Trong kinh dạy: Phải lấy tâm làm thầy, tâm không phải thầy thì các nghiệp thân, miệng, ý không cho là ác cùng với thân giới tâm tuệ vững chắc như núi. Trong kinh lại dạy: Giữ tâm một chỗ thì việc gì cũng thành tựu, nhưng tâm tán loạn hoặc điên đảo, thấy “ta” là trên hết, phiền não mê hoặc khó mà nhiếp phục, rối loạn sai sử mọi việc, ở trong tất cả lúc cao mạn khó dẹp trừ. Tự mình không cầu nơi vắng lặng để trừ bỏ được ba độc, thân không phóng túng, miệng thì im lặng, ít ngủ thức nhiều, thường ngồi, ăn uống dè dặt, suy nghĩ về chánh pháp, biết rõ chẳng có, hữu, vô, thân ngay tâm chánh, buộc niệm trước mặt. Những lời dạy đó gọi là nhiếp niệm.

Thứ 2: Duyên mười niệm

Như kinh Tăng nhất A Hàm dạy: Bấy giờ Thế tôn bảo các Tỳ-kheo phải tu tập mười pháp khiến thành tựu thần thông để trừ bỏ tướng tán loạn, đạt đến Niết bàn. Một là niệm Phật. Hai là niệm Pháp. Ba là niệm Tăng. Bốn là niệm giới. Năm là niệm thí. Sáu là niệm thiên. Bảy là niệm hơi thở. Tám là niệm an bát (thiền định). Chín là niệm thân vô

thường. Mười là niệm chết, nên khéo tu tập.

*Niệm Phật, Pháp và Tăng,
Niệm giới thí và thiên,
Hơi thở và an bát,
Sau cùng niệm thân, chết.*

+ Thứ nhất niệm Phật là chuyên cần niệm Phật, công đức đầy đủ hình tướng của Như lai. Thân trí Ngài không có giới hạn biến khắp mọi nơi, đều biết tất cả, tu tập một pháp mà đạt đến Niết bàn, không lìa niệm Phật được các công đức, gọi là niệm Phật.

+ Thứ hai là niệm Pháp, siêng năng niệm Pháp, từ bỏ tham muốn, không còn tâm phiền não khát ái, vĩnh viễn xa lìa không cho phát khởi, đối với dục không còn ưa thích, trừ bỏ bệnh trói buộc, ngăn che, giống như với mùi vị các loài hương, không có các niệm vọng tưởng sai lầm, khiến được thành tựu thần thông đạt đến Niết bàn, tư duy không xa lìa, đạt được công đức, gọi là niệm Pháp.

+ Thứ ba là niệm Tăng, là chuyên cần niệm Thánh chúng của Như lai, thành tựu trí tuệ chân thật không tà kiến, trên dưới hòa kính, với bốn quả bốn hương của thánh chúng Như Lai nên tôn kính làm theo, diệt trừ các vọng tưởng, đạt đến Niết bàn, không xa lìa niệm Tăng, thành tựu các công đức, gọi là niệm Tăng.

+ Thứ tư là niệm Giới, giới là dừng các điều ác, giới có khả năng thành tựu đạo quả, làm cho người an vui, giới như chuỗi anh lạc đeo trên thân, hiện ra các tướng đẹp, giới như bình nước trong lành, đạt được mọi mong cầu, để khắc phục đoạn trừ các loạn tưởng đạt đến Niết bàn, không xa lìa niệm giới, liền đạt được các công đức, gọi là niệm Giới.

+ Thứ năm là niệm Thí, người chuyên cần niệm thí, sự bố thí tối thượng, vĩnh viễn không hối tiếc, không mong cầu báo đáp, vui vẻ được lợi lớn. Nếu có người nhục mạ, lại dùng thêm dao gậy thì phải khởi tâm từ không sanh khởi sân giận. Với Ta và người được bố thí, vật bố thí tâm đều thanh tịnh, diệt trừ các vọng tưởng, đạt được Niết bàn, không xa lìa niệm Thí để thành tựu các công đức, gọi là niệm Thí.

+ Thứ sáu là niệm Thiên, người chuyên cần niệm Thiên, thân, miệng, ý thanh tịnh không làm việc xấu ác, thực hành giới thành tựu thân. Thân phóng ánh sáng chiếu khắp mọi nơi, thành tựu phước báo nghiệp thiện của thân trời thành tựu đầy đủ các hạnh thân trời, trừ bỏ các vọng tưởng, đạt được Niết bàn, không xa lìa niệm Thiên, liền được các công đức, gọi là niệm Thiên.

+ Thứ bảy là niệm Hơi thở, người tâm ý nhớ nghĩ đến hơi thở,

bản tánh sáng suốt vững chắc cũng không trôi chảy theo dòng, thường chuyên tâm, ưa thích ở nơi thanh vắng, thường mong cầu phương tiện nhập vào định Tam muội, luôn nhớ nghĩ không tham, đạt được ánh sáng thù thắng để trừ bỏ vọng tưởng, đạt đến Niết bàn, không xa lìa niệm hơi thở, liền được các công đức, gọi là niệm Hơi thở.

+ Thứ tám là niệm An bát, người chuyên cần niệm An bát là khi thở dài quán biết ta đang thở dài, khi thở ngắn thì cũng biết ta đang thở ngắn, hoặc hơi thở lạnh, nóng đều thấy biết hơi thở ta đang lạnh nóng, đếm hơi thở ra vào, dài ngắn, để diệt trừ các vọng tưởng, đạt đến Niết bàn, không xa lìa niệm An bát liền được các công đức, gọi là niệm An bát.

+ Thứ chín là niệm Thân, người chuyên cần niệm thân, là nghĩ đến tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, mật, gan, phổi, lá lách, tim, thận, ruột già, ruột non, ruột thừa bàng quang, trăm thứ nước giải, phân dơ, ung nhọt, nước mắt, đàm, mủ, máu, mỡ, nước dãi, đầu lâu, não... Những gì là thân? Là Địa chủng, Thủy chủng, Hỏa chủng, Phong chủng, tất cả đều do cha mẹ mà thành. Từ nơi nào đến? Do những gì đã tạo thành? Sáu căn ở trong thân này sau khi chết sẽ sanh về đâu? Nếu ai diệt trừ những vọng tưởng ấy, đạt đến Niết bàn, không xa lìa niệm thân để được công đức, gọi là niệm Thân.

+ Thứ mười là niệm Chết, luôn nhớ đến sự chết, chết đây rồi sanh nơi kia, mạng sống qua mãi không dừng, các căn hư hoại như cây gỗ mục, mạng căn đoạn dứt, dòng họ phân ly, không hình, không tiếng, cũng không tướng mạo, trừ bỏ vọng tưởng để đạt Niết bàn, không lìa niệm chết để được công đức, gọi là niệm Chết. Nói kệ:

*Niệm Phật, Pháp và Tăng
Cho đến niệm Thân, Chết
Tuy nói trên là đồng
Nhưng nghĩa đều khác biệt.*

Thứ 3: Duyên sáu niệm

Lại trong luận Phân biệt công đức dạy:

Thứ nhất, niệm Phật là niệm những gì? Thân Kim cang Phật không có các lậu. Khi Ngài đi cách mặt đất bốn tất có ngàn tướng bánh xe, các hoa văn ở chân in trên mặt đất, khi cất bước các côn trùng dưới chân được an ổn bảy ngày, lúc chúng chết đều sanh lên cõi trời. Xưa kia, có Tỳ-kheo xấu ác, vốn là ngoại đạo giả mượn y phục để phỉ báng, liền đến chỗ Như lai, lại giết những loài trùng bay, rồi đặt vào dấu chân của

Đức Phật, cho là Ngài đã giã chết. Côn trùng tuy đã chết nhưng gập dẫu chân Phật liền sống lại. Hoặc vào thành ấp, chân đạp vào thành cửa, chấn động cả trời đất, trăm thứ âm nhạc không đánh mà tự vang, trăm thứ bệnh mù điếc câm, đều tự tiêu biến, thấy được tướng tốt của Phật, tùy theo đức hạnh mà được độ, công đức đầy đủ không thể tính kể. Nói tóm lại, niệm Phật là đứng đầu trong muôn hạnh, nên niệm Phật là nghĩa này vậy.

Thứ hai, niệm Pháp. Pháp là đạo vô vi, vô dục. Phật là vua của pháp. Pháp là chủ của các phiền não. Pháp xuất phát từ Đức Phật. Pháp sanh khởi ra đạo. Pháp như vậy, sao không niệm Pháp trước rồi niệm Phật sau?

Đáp: Pháp tuy vi diệu nhưng không thể biết được, do ẩn kín khắp nơi, nên cần người thông suốt để chỉ dạy mới tự thoát khỏi nghèo khổ. Pháp cũng như vậy, nghĩa lý huyền diệu nên chỉ có Như Lai mới xiển dương. Do đó mà phải niệm Phật trước, niệm Pháp sau.

Thứ ba, niệm Tăng là bốn hướng, bốn quả và mười hai Hiền sĩ đã bỏ những tham muốn ở đời để khai thị, giáo hóa trời người, tức là ruộng phước cho chúng sanh. Xưa kia, có Tỳ-kheo Phạn-ma-đạt ít phước, ở trong chúng một ngàn hai trăm hai mươi vị, khiến cho chúng Tăng không đủ ăn mà chẳng biết ai gây ra lỗi này. Đức Phật liền bảo, phân chúng làm hai, thì một bên được thức ăn và bên kia không được. Lại phân chúng được thức ăn thành hai thì bên được và bên không được. Như vậy, cho đến còn lại hai người thì cũng một người được thức ăn và người không được, lúc đó mới biết người không có phước, tuy (thức ăn) đã đến bát nhưng tự tiêu mất. Đức Phật xót thương hoạn nạn của vị ấy nên tự tay đưa thức ăn vào bình bát, do năng lực phước đức của Ngài đã cản lại mà không bị mất đi. Đức Phật muốn thân hiện tại của vị ấy được phước, nên bảo hai Tỳ-kheo lấy hết thức ăn để vị ấy được no đủ, lập tức được phước. Khi ấy, vua Ba-tư-nặc nghe Đức Phật thương xót cho vị Tỳ-kheo ít phước ăn, hôm nay, ta cũng vì vị ấy mà làm phước, liền cho gạo dư thừa. Khi ấy, có con chim bay đến, ngậm lấy hạt gạo đi, làm cho mọi người kêu lên: Nhà vua vì Tỳ-kheo Phạn Ma Đạt mà làm phước, sao chim lại lấy đi? Chim liền mang trả về chỗ cũ. Lý do là như vậy: Tỳ-kheo này nhờ năng lực phước đức của Tăng chúng nên chim và muôn thú không đến phá hại, do đây biết được ruộng phước tốt lành, rồi độ mình độ người cho đến đạo ba thừa, pháp niệm chúng Tăng có nghĩa lý như vậy.

Thứ tư, niệm Giới là từ năm giới, mười giới, hai trăm năm mươi

giới cho đến năm trăm giới, tất cả đều chế ngự thân miệng,.. từ bỏ các sai lầm, kiểm soát sáu căn, diệt trừ nhớ nghĩ tham muốn, biểu lộ sự thanh tịnh, ấy là tánh của giới. Xưa có hai vị Tỳ-kheo cùng đến chỗ Phật, giữa đường xa gặp đầm khô nước chỉ còn lại bùn, khi đó có ao nhỏ, rất nhiều trùng. Một Tỳ-kheo giữ giới lấy việc không phạm giới làm đầu, nên suy nghĩ nếu uống nước này thì sát sanh quá nhiều, thà bị chết mà bảo toàn giới luật, nên khi chết được sanh lên cõi trời. Vị Tỳ-kheo khác lại nghĩ, uống nước giữ được mạng sống để đến được gặp Phật mà chẳng biết sau khi chết sanh ở đâu, liền uống nước có côn trùng, giết hại rất nhiều, tuy được thấy Phật nhưng cách Ngài rất xa, liền than khóc, hướng về Đức Phật thưa: Bạn cùng đi với con đã qua đời. Đức Phật chỉ tay lên trời bảo: Thầy có biết cõi trời này không? Cõi trời ấy là bạn ông, nhờ công đức bảo toàn giới luật liền được sanh lên cõi trời. Hôm nay, thầy đến đây tuy thấy Ta nhưng còn cách Ta còn xa, thầy kia tuy mất mạng nhưng luôn ở bên Ta. Nay thầy thấy Ta là thấy sắc thân của Ta mà đâu thấy giới chân thật. Nên kinh dạy: Ba-la-đề-mộc-xoa là đại sư của các vị. Nếu có người nào trì giới mà lần lượt truyền trao cho người, thì pháp thân của Như Lai thường trú không diệt. Giới có ba loại: Một là tục giới. Hai là đạo giới. Ba là định giới. Giữ đủ năm giới, tám giới hay mười giới là tục giới. Bốn đế vô lậu là đạo giới. Tam muội thiền định là định giới. Lấy trí tuệ giữ giới để thành tựu vô lậu mới hợp với đạo giới. Giới của hàng Thanh văn như hoa ở đầu gối, khi động đến liền tan biến. Bồ tát trì giới như hoa cài trên đầu, đi đứng đều không động. Tiểu thừa khi động thì mất hết oai nghi. Bồ tát tâm nguyện không chấp vào pháp bên ngoài. Đại, Tiểu thừa khuôn khổ khác nhau, nên lấy tâm hình trái nhau, trong ngoài tuy khác nhưng cùng đến Niết bàn, nên gọi là Niệm giới.

Trong kinh Phật Bát Nê Hoàn dạy: Muốn gần đạo cần có bốn Hỷ, nên khéo niệm và hành cho tốt. Một là tâm thích niệm Phật không xa lìa. Hai là thường thích niệm Pháp. Ba là luôn thích niệm Tăng. Bốn là thường thích niệm Giới. Nhớ nghĩ bốn điều ưa thích liền được đầy đủ, mà tự biến đâu là vọng, chơn để vượt qua, mong cầu giải thoát thân này, có thể đoạn trừ các đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Tuy còn sanh trong loài trời người nhưng không quá bảy lần mà đoạn được khổ tế.

Lại trong kinh Tam Thiên Oai Nghi dạy: Cần nhớ nghĩ năm việc. Một là phải nhớ nghĩ công đức Phật. Hai là nhớ nghĩ giới kinh Phật. Ba là cần nhớ nghĩ trí tuệ Phật. Bốn là thường nhớ nghĩ ân khó báo đáp của Phật. Năm là thường niệm tinh tấn và Niết bàn của Phật. Lại có năm việc: Thường nhớ nghĩ Tỳ-kheo Tăng. Hai là thường nhớ nghĩ ân thầy.

Ba thường nhớ nghĩ ơn cha mẹ. Bốn là thường nhớ nghĩ ơn bạn cùng học. Năm là thường nhớ nghĩ ơn những người đã làm cho ta thoát khỏi những nỗi khổ.

Lại nữa, trong kinh Xứ Xứ dạy: Ví như cát trong biển lớn không thể tính biết, như người tạo nghiệp ác, thiện thì trước sau họa phước không thể tính, chủ yếu là khi sắp chết, làm việc ác thì gặp nơi xấu ác, còn làm điều lành thì gặp lành, họa phước đều đã chuẩn bị sẵn ở đó, lại cũng chuẩn bị sẵn ở cha mẹ, anh em, vợ con quyến thuộc, khi đắc đạo mới dứt. Nếu không đắc đạo thì còn tiếp diễn. Đức Phật bảo Tỳ-kheo, thường nhớ nghĩ thân mình là vô thường. Có một Tỳ-kheo thưa Phật: Con nhớ nghĩ vô thường, như người ở thế gian thật có năm mươi thứ đơ uest.

Đức Phật dạy: Chớ nói lời này!

Lại có một Tỳ-kheo thưa: Có ba mươi thứ uest.

Đức Phật dạy: Chớ nói lời này!

Có một Tỳ-kheo thưa: Có mười thứ uest.

Đức Phật dạy: Chớ nói lời này!

Lại có Tỳ-kheo thưa: Có một thứ uest.

Đức Phật dạy: Chớ nói lời này!

Lại có Tỳ-kheo thưa: Có một tháng.

Đức Phật dạy: Chớ nói lời này.

Lại có Tỳ-kheo thưa: Có một ngày.

Đức Phật dạy: Chớ nói lời này.

Lại có Tỳ-kheo thưa: Chỉ trong khoảnh khắc.

Đức Phật dạy: Chớ nói lời này!

Lại có Tỳ-kheo thưa: Chỉ trong hơi thở.

Đức Phật dạy: Đúng vậy! Hơi thở ra mà không trở lại thì thuộc về đời sau. Mạng người nhanh chóng chỉ trong hơi thở.

Trong kinh Tỳ Ni Mẩu dạy: Nếu thuyết pháp cho Tỳ-kheo thì thường nhớ nghĩ quán thân Khổ, Không, Vô thường, Vô ngã, Bất tịnh chớ để quên mất. Vì sao? Vì phải được mười hai niệm mới thành tựu pháp của bậc Thánh. Mười hai niệm là gì? Một là nhớ nghĩ thành tựu thân mình. Hai là nhớ nghĩ thành tựu thân người khác. Ba là nhớ nghĩ, sự nguyện được thân người. Bốn là nhớ nghĩ sanh vào gia đình có dòng họ tôn quý. Năm là nhớ nghĩ ở trong Phật pháp để sanh lòng tin. Sáu là nhớ nghĩ việc sanh ở nơi nào mà không cần gia công vẫn được các pháp. Bảy là nhớ nghĩ việc sanh ở nào mà các căn đầy đủ. Tám là nhớ nghĩ việc gặp Phật Thế tôn xuất hiện ở đời. Chín là nhớ nghĩ việc

sanh ở đâu thường được thuyết giảng chánh pháp. Mười là nhớ nghĩ việc nguyện được thuyết pháp thường tồn tại lâu dài. Mười một là nhớ nghĩ việc mong cầu pháp thường còn để tùy thuận tu tập. Mười hai là nhớ nghĩ việc thường được tâm thương xót chúng sanh. Nhớ nghĩ đầy đủ mười hai pháp này thì chắc chắn thành tựu pháp của bậc Thánh.

Thứ 4: Duyên phát nguyện

Quả vị Phật là tối thắng (?) đến dần dần đạt đến. Là do phát nguyện lớn mà thành tựu, thì phước đức vi diệu chiếu sáng vô cùng. Ban đầu phát nguyện, thì thể nguyện đó biến khắp không gian. Cứ một niệm phát khởi thì được hoa tốt lành trong một trần kiếp. Nếu cung kính chỉ trong nửa khắc thì cũng được nước cam lồ trong một đại kiếp, bởi vì căn cơ của đại thừa là bến bờ của Chủng trí.

Trong luận Địa-trì dạy: Phát nguyện của Bồ tát tóm tắt có năm loại. Một là nguyện phát tâm. Hai là nguyện sanh. Ba là nguyện bình đẳng. Bốn là nguyện cảnh giới. Năm là nguyện lớn. Bồ tát ấy mới phát tâm Vô thượng Bồ-đề, gọi là nguyện phát tâm. Hai là nguyện, đời vị lai vì chúng sanh mà sanh vào các cõi, gọi là nguyện sanh. Nguyện thấy được các pháp chơn chánh, vô lượng các căn lành, tư duy cảnh giới, gọi là nguyện cảnh giới. Nguyện đời vị lai giữ gìn hoàn toàn những việc của các Bồ tát, gọi là Bồ tát nguyện bình đẳng. Nguyện lớn là nguyện bình đẳng.

Lại nói Bồ tát có mười điều nguyện lớn: Một là nguyện cúng dường đầy đủ vô lượng chư Phật. Hai là nguyện hộ trì chánh pháp của chư Phật. Ba là nguyện hiểu rõ chánh pháp chư Phật. Bốn là nguyện sanh cõi trời Đâu suất đạt đến Niết bàn. Năm là nguyện thực hành tất cả hạnh chơn chánh của Bồ tát. Sáu là nguyện thành tựu tất cả chúng sanh. Bảy là nguyện tất cả thế giới đều có thể thị hiện. Tám là nguyện tất cả Bồ tát cùng dùng phương tiện Đại thừa độ. Chín là nguyện tất cả chánh hạnh phương tiện vô ngại. Mười là nguyện chứng đắc Vô thượng Chánh giác. Bồ tát này an trú vào sơ địa, dùng phương tiện lòng tin thanh tịnh, ở đời vị lai sanh mười nguyện lớn. Một là do tâm thanh tịnh thường nguyện cúng dường chư Phật. Hai là thọ trì bảo vệ chánh pháp của chư Phật. Ba là khuyến thỉnh chư Phật trao truyền pháp chưa từng có. Bốn là thực hành theo hạnh chơn chánh của Bồ tát. Năm là tất cả chúng sanh đều thuần thực. Sáu là có thể thị hiện trong tất cả thế giới. Bảy là tự làm sạch cõi Phật. Tám là tất cả Bồ tát đều dùng phương tiện để giáo hóa Đại thừa. Chín là làm lợi ích cho chúng sanh được đầy đủ.

Mười là tất cả thế giới đều chứng đắc quả vị Bồ-đề để hành các Phật sự. Kệ tụng:

*Ném gậy tin là nhanh Điều đàn hay không
nhiễm*

*Vượt chướng chế ngự được, Ngựa phóng khó
an trú Rong ruổi theo thanh sắc, Mãng quan
đẹp lộng lẫy,*

*Đã vào dòng họ vua, Lại làm trẻ trong
nhà,*

*Tâm tịnh lắng nghiệp xấu, Xét nghĩ thân lỗi
lâm, Hầu hết bằng bảy báu, Khi dùng trừ
ba tà.*

CHỮ KINH TẬP YẾU (HẾT - QUYỂN
3)

